

ĐỀ ÁN TUYỂN SINH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NĂM 2022

I. Thông tin chung (tính đến thời điểm xây dựng đề án):

1. Tên trường: Trường Đại học Y Dược Hải Phòng
2. Mã trường: **YPB**
3. Địa chỉ: Số 72A Nguyễn Bình Khiêm - Ngô Quyền - Hải Phòng
4. Địa chỉ trang thông tin điện tử: : hpmu.edu.vn
5. Địa chỉ các trang mạng xã hội (có thông tin tuyển sinh):
6. Số điện thoại liên hệ tuyển sinh: 02253.731.168
7. Tình hình việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp:
Đường link công khai việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp:

<http://hpmu.edu.vn/hpmu/news/Quy-Che-Cong-Khai/>

Lĩnh vực/ngành đào tạo	Trình độ đào tạo	Chỉ tiêu tuyển sinh	Số SV trúng tuyển nhập học	Số SV tốt nghiệp	Tỉ lệ SV tốt nghiệp đã có việc làm
Y khoa	Đại học	500	479	418	95.98
Y học dự phòng	Đại học	60	64	46	88.37
Y học cổ truyền	Đại học	70	59	0	0
Dược học	Đại học	150	152	55	96.08
Điều dưỡng	Đại học	200	191	52	97.78
Răng - Hàm - Mặt	Đại học	80	79	43	89.19
Kỹ thuật xét nghiệm y học	Đại học	80	83	40	100
Tổng		1140	1107	654	94.57

8. Thông tin về tuyển sinh chính quy của 2 năm gần nhất:

Đường link công khai thông tin về tuyển sinh chính quy của 2 năm gần nhất:

<http://hpmu.edu.vn/hpmu/news/Dai-Hoc-32/>

Nhóm ngành/ Ngành/ tổ hợp xét tuyển	Năm 2020			Năm 2021		
	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển
Nhóm ngành VI						
- Y đa khoa						
+ Tổ hợp: Toán, Hóa, Sinh	350	179	27	350	178	26.9
+ Tổ hợp: Toán, Lý, Hóa	150	313	26	150	301	25.8
- Y học dự phòng						
+ Tổ hợp: Toán, Hóa, Sinh	60	47	21.4	60	64	22.35
- Y học cổ truyền						
+ Tổ hợp: Toán, Hóa, Sinh	70	78	23.9	70	59	24.35
- Răng hàm mặt						
+ Tổ hợp: Toán, Hóa, Sinh	80	77	26.8	80	79	26.7
- Dược học						
+ Tổ hợp: Toán, Hóa, Sinh	60	71	26	60	59	25.95
+ Tổ hợp: Toán, Lý, Hóa	60	63	25.65	60	59	25.25
+ Tổ hợp: Toán, Hóa, Anh	30	29	23.85	30	34	26.05
- Điều dưỡng						
+ Tổ hợp: Toán, Hóa, Sinh	200	197	22.85	200	191	23.25
- Kỹ thuật Xét nghiệm y học						
+ Tổ hợp: Toán, Hóa, Sinh	80	91	24.6	80	83	25.05
Tổng	1140	1145		1140	1107	

9. Thông tin danh mục ngành được phép đào tạo:

Đường link công khai danh mục ngành được phép đào tạo: <http://hpmu.edu.vn/hpmu/news/Dai-Hoc-32/>

STT	Tên ngành	Mã ngành	Số văn bản cho phép mở ngành	Ngày tháng năm ban hành văn bản cho phép mở ngành	Số quyết định chuyển đổi tên ngành (gần nhất)	Ngày tháng năm ban hành Số quyết định chuyển đổi tên ngành (gần nhất)	Trường tự chủ QĐ hoặc Cơ quan có thẩm quyền cho phép	Năm bắt đầu đào tạo	Năm đã tuyển sinh và đào tạo gần nhất với năm tuyển sinh
1	Y khoa	7720101	12/2001/QĐ-BGDĐT	26/04/2001	966/QĐ-BGDĐT	15/03/2018		1979	2021
2	Y học cổ truyền	7720115	4605/QĐ-BGDĐT	16/10/2014	966/QĐ-BGDĐT	15/03/2018		2015	2021
3	Điều dưỡng	7720301	5235/QĐ-BGD&ĐT-ĐH&SDH	14/09/2004	966/QĐ-BGDĐT	15/03/2018		2005	2021
4	Dược lý và dược lâm sàng	8720205	3531/QĐ-BGDĐT	09/11/2020				2021	2021
5	Y tế công cộng	8720701	4304/QĐ-BGDĐT	20/07/2004	966/QĐ-BGDĐT	15/03/2018		2005	2021
6	Dược học	7720201	2532/QĐ-BGDĐT	22/06/2011	966/QĐ-BGDĐT	15/03/2018		2012	2021
7	Nội khoa	8720107	7610/QĐ-BGDĐT	25/12/2006	966/QĐ-BGDĐT	15/03/2018		2007	2021
8	Nội khoa	9720107	1331/QĐ-BGDĐT	19/04/2017	966/QĐ-BGDĐT	15/03/2018		2017	2021
9	Nhi khoa	8720106	7610/QĐ-BGDĐT	25/12/2006	966/QĐ-BGDĐT	15/03/2018		2007	2021
10	Y học dự phòng	7720110	1851/QĐ-BGDĐT	13/04/2007	966/QĐ-BGDĐT	15/03/2018		2007	2021
11	Răng - Hàm - Mặt	7720501	1278/QĐ-BGDĐT	24/03/2008	966/QĐ-BGDĐT	15/03/2018		2009	2021
12	Y tế công cộng	9720701	4386/QĐ-BGDĐT	23/09/2011	966/QĐ-BGDĐT	15/03/2018		2012	2021
13	Ngoại khoa	8720104	2991/QĐ-BGDĐT	29/05/2008	966/QĐ-BGDĐT	15/03/2018		2008	2021
14	Kỹ thuật xét nghiệm y học	8720601	1776/QĐ-BGDĐT	24/06/2019				2019	2021
15	Ngoại khoa	9720104	1331/QĐ-BGDĐT	19/04/2017	966/QĐ-BGDĐT	15/03/2018		2017	2021
16	Nhi khoa	9720106	2003/QĐ-BGDĐT	04/06/2014	966/QĐ-BGDĐT	15/03/2018		2014	2021
17	Kỹ thuật xét nghiệm y học	7720601	2899/QĐ-BGDĐT	13/04/2009	966/QĐ-BGDĐT	15/03/2018		2009	2021
18	Y học biển	8729004	4385/QĐ-BGDĐT	23/09/2011	966/QĐ-BGDĐT	15/03/2018		2012	2021

10. Điều kiện bảo đảm chất lượng:

Đường link công khai các điều kiện đảm bảo chất lượng:

<http://hpmu.edu.vn/hpmu/news/Quy-Che-Cong-Khai/>

10.1 Quy mô đào tạo hình thức chính quy đến ngày 31/12/2021 (Người học):

STT	Trình độ/Lĩnh vực/Ngành đào tạo	Mã ngành	Quy mô đào tạo
A	SAU ĐẠI HỌC		142
1	Tiến sĩ		28
1.1	Sức khỏe		28
1.1.1	Ngoại khoa	9720104	8
1.1.2	Nhi khoa	9720106	9
1.1.3	Nội khoa	9720107	2
1.1.4	Y tế công cộng	9720701	9
2	Thạc sĩ		114
2.1	Sức khỏe		114
2.1.1	Ngoại khoa	8720104	19
2.1.2	Nhi khoa	8720106	25
2.1.3	Nội khoa	8720107	15
2.1.4	Dược lý và dược lâm sàng	8720205	10
2.1.5	Kỹ thuật xét nghiệm y học	8720601	20
2.1.6	Y tế công cộng	8720701	19
2.1.7	Y học biển	8729004	6
B	ĐẠI HỌC		7288
3	Đại học chính quy		6257
3.1	Chính quy		5515
3.1.1	Các ngành đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học		
3.1.2	Các ngành đào tạo (trừ ngành đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học)		5515
3.1.2.1	Sức khỏe		5515
3.1.2.1.1	Y khoa	7720101	3005
3.1.2.1.2	Y học dự phòng	7720110	229
3.1.2.1.3	Y học cổ truyền	7720115	353
3.1.2.1.4	Dược học	7720201	618
3.1.2.1.5	Điều dưỡng	7720301	558
3.1.2.1.6	Răng - Hàm - Mặt	7720501	447
3.1.2.1.7	Kỹ thuật xét nghiệm y học	7720601	305
3.2	Liên thông từ trung cấp lên đại học		685
3.2.1	Sức khỏe		685
3.2.1.1	Y khoa	7720101	685
3.3	Liên thông từ cao đẳng lên đại học		57
3.3.1	Sức khỏe		57
3.3.1.1	Dược học	7720201	57
3.4	Đào tạo chính quy với người đã tốt nghiệp trình độ đại học trở lên		
4	Đại học vừa làm vừa học		1031

4.1	Vừa làm vừa học		
4.2	Liên thông từ trung cấp lên đại học		
4.3	Liên thông từ cao đẳng lên đại học		1031
4.3.1	Sức khỏe		1031
4.3.1.1	Điều dưỡng	7720301	829
4.3.1.2	Kỹ thuật xét nghiệm y học	7720601	202
4.4	Đào tạo vừa làm vừa học đối với người đã tốt nghiệp trình độ đại học trở lên		
5	Từ xa		

10.2. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu:

- Tổng diện tích đất của trường: 52115.9 m²

- Số chỗ ở ký túc xá sinh viên (nếu có): 396 phòng - 2600 sinh viên.

- Diện tích sàn xây dựng trực tiếp phục vụ đào tạo thuộc sở hữu của trường tính trên một sinh viên chính quy: 6.52 m²/01 sinh viên.

STT	Loại phòng	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên của cơ sở đào tạo	157	9724
1.1	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	2	972
1.2	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	8	937
1.3	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	34	2412
1.4	Số phòng học dưới 50 chỗ	9	374
1.5	Số phòng học đa phương tiện	18	2214
1.6	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên của cơ sở đào tạo	86	2815
2	Thư viện, trung tâm học liệu	3	1260
3	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	64	22030
	Tổng	224	33014

10.3. Số lượng giảng viên toàn thời gian:

STT	Tên ngành	Mã ngành	Giáo sư	Phó Giáo sư	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học	Tổng cộng
1	Y khoa	7720101	2	18	20	132	62	234
2	Y học dự phòng	7720110	0	3	7	5	3	18
3	Y học cổ truyền	7720115	0	2	5	11	6	24
4	Dược học	7720201	0	1	6	35	2	44
5	Điều dưỡng	7720301	0	1	4	35	2	42
6	Răng - Hàm - Mặt	7720501	0	2	7	11	10	30
7	Kỹ thuật xét nghiệm y học	7720601	0	0	3	18	10	31
	Tổng cộng		2	27	52	247	95	423

10.4. Số lượng giảng viên thỉnh giảng:

STT	Lĩnh vực	Mã ngành	Giáo sư	Phó Giáo sư	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học	Tổng cộng
1	Y khoa	7720101	4	23	138	33	0	198
2	Y học dự phòng	7720110	1	10	22	16	0	49
3	Y học cổ truyền	7720115	0	1	9	10	0	20
4	Dược học	7720201	0	2	6	14	1	23
5	Điều dưỡng	7720301	0	1	10	10	26	47
6	Răng - Hàm - Mặt	7720501	1	7	15	7	0	30
7	Kỹ thuật xét nghiệm y học	7720601	0	0	11	5	1	17
	Tổng cộng		6	44	211	95	28	384

11. Đường link công khai Đề án tuyển sinh:

<http://hpmu.edu.vn/hpmu/news/Dai-Hoc-32/>

12. Đường link công khai Quy chế tuyển sinh của Trường:

Trường Đại học Y Dược Hải Phòng sẽ thực hiện từ năm 2023.

13. Đường link công khai Quy chế thi tuyển sinh (nếu cơ sở đào tạo có tổ chức thi) trên trang thông tin điện tử của CSĐT:

Năm 2022 Trường Đại học Y Dược Hải Phòng không tổ chức thi tuyển.

14. Đường link công khai Đề án tổ chức thi (nếu cơ sở đào tạo có tổ chức thi) trên trang thông tin điện tử của CSĐT:

Năm 2022 Trường Đại học Y Dược Hải Phòng không tổ chức thi tuyển.

II. Tuyển sinh đào tạo chính quy

1. Tuyển sinh chính quy đại học, cao đẳng (ngành Giáo dục Mầm non)

1.1. Đối tượng, điều kiện tuyển sinh:

Theo quy định tại điều 5 - Chương I - Quy chế tuyển sinh đại học; tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non (Ban hành kèm theo Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06/06/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo).

1.2. Phạm vi tuyển sinh:

Trường tuyển sinh trên phạm vi cả nước

1.3. Phương thức tuyển sinh:

Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2022 theo từng ngành học.

1.4. Chỉ tiêu tuyển sinh: Chỉ tiêu theo Ngành/Nhóm ngành, theo từng phương thức xét tuyển và trình độ đào tạo.

TT	Trình độ đào tạo	Mã ngành/ nhóm ngành xét tuyển	Tên ngành/ nhóm ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Tổ hợp môn	Môn chính
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Đại học	7720101B	Y khoa (B)			350	B00	Toán, Hóa, Sinh
2	Đại học	7720101A	Y khoa (A)			150	A00	Toán, Lý, Hóa
3	Đại học	7720110	Y học dự phòng			60	B00	Toán, Hóa, Sinh
4	Đại học	7720115	Y học cổ truyền			70	B00	Toán, Hóa, Sinh
5	Đại học	7720501	Răng hàm mặt			80	B00	Toán, Hóa, Sinh
6	Đại học	7720201B	Dược học (B)			60	B00	Toán, Hóa, Sinh
7	Đại học	7720201A	Dược học (A)			60	A00	Toán, Lý, Hóa
8	Đại học	7720201D	Dược học (D)			30	D07	Toán, Hóa, Anh
9	Đại học	7720301	Điều dưỡng			200	B00	Toán, Hóa, Sinh
10	Đại học	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học			80	B00	Toán, Hóa, Sinh

1.5. Ngưỡng đầu vào:

Theo ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào do Bộ Giáo dục và Đào tạo xác định.

1.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào các ngành của trường: mã trường, mã ngành/ nhóm ngành xét tuyển, mã phương thức xét tuyển, tổ hợp xét tuyển và quy định chênh lệch điểm xét tuyển giữa các tổ hợp; các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển:

- Mã trường: **YPB**

- Mã ngành/ nhóm ngành xét tuyển, mã phương thức xét tuyển, tổ hợp xét tuyển:

Theo bảng tại mục 1.4

- Nguyên tắc xét tuyển:

+ Thí sinh được ĐKXT không giới hạn số nguyện vọng và phải sắp xếp nguyện vọng theo thứ tự ưu tiên từ cao xuống thấp (nguyện vọng 1 là nguyện vọng cao nhất)

+ Đối với từng ngành, thí sinh được xét bình đẳng theo kết quả thi, không phân biệt thứ tự ưu tiên của nguyện vọng đăng ký;

+ Với mỗi thí sinh nếu ĐKXT vào nhiều ngành trong trường thì việc xét tuyển được thực hiện theo thứ tự ưu tiên của các nguyện vọng; thí sinh chỉ trúng tuyển vào một nguyện vọng ưu tiên cao nhất có thể trong danh sách các nguyện vọng đã đăng ký;

+ Điểm trúng tuyển được tính riêng theo từng ngành (xét điểm từ cao xuống thấp cho đủ chỉ tiêu).

- *Điều kiện phụ trong xét tuyển:* đối với các thí sinh bằng điểm xét tuyển ở cuối danh sách thì trường sẽ xét trúng tuyển dựa trên tiêu chí ưu tiên theo thứ tự như sau, nếu vẫn còn vượt chỉ tiêu thì ưu tiên thí sinh có nguyện vọng cao hơn:

+ Với tổ hợp môn Toán học, Hóa học, Sinh học: Ưu tiên 1: tổng điểm 3 môn chưa làm tròn; ưu tiên 2: môn Sinh học, ưu tiên 3: môn Hóa học, ưu tiên 4: môn Toán học.

+ Với tổ hợp môn Toán học, Hóa học, Vật lý: Ưu tiên 1: tổng điểm 3 môn chưa làm tròn; ưu tiên 2: môn Hóa học, ưu tiên 2: môn Toán học, ưu tiên 3: môn Vật lý.

+ Với tổ hợp môn Toán học, Hóa học, Tiếng Anh: Ưu tiên 1: tổng điểm 3 môn chưa làm tròn; ưu tiên 2: môn Hóa học, ưu tiên 2: môn Toán học, ưu tiên 3: môn Tiếng Anh.

1.7. Tổ chức tuyển sinh: Thời gian; hình thức, điều kiện nhận hồ sơ dự tuyển/thi tuyển; các điều kiện xét tuyển/thi tuyển:

Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

1.8. Chính sách ưu tiên:

Theo quy định tại điều 7 - Chương I - Quy chế tuyển sinh đại học; tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non (Ban hành kèm theo Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06/06/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo).

a. *Ưu tiên theo khu vực:*

Theo quy định tại khoản 1 điều 7 - Chương I - Quy chế tuyển sinh đại học; tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non (Ban hành kèm theo Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06/06/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo).

b. *Chính sách ưu tiên theo đối tượng:*

Theo quy định tại khoản 2 điều 7 - Chương I - Quy chế tuyển sinh đại học; tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non (Ban hành kèm theo Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06/06/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo).

c. *Đối tượng tuyển thẳng:*

- Những thí sinh được quy định tại điểm a khoản 2 điều 8 của quy chế tuyển sinh; những thí sinh tham dự kỳ thi chọn đội tuyển quốc gia dự thi Olympic quốc tế môn Toán học, Hóa học, Sinh học; những thí sinh đạt giải nhất, nhì, ba kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia môn Toán học, Hóa học, Sinh học và những thí sinh đạt giải nhất, nhì, ba Cuộc thi khoa học, kỹ thuật quốc tế do Bộ GDĐT tổ chức, cử tham gia đã tốt nghiệp THPT được xét tuyển thẳng vào tất cả các ngành;

- Những thí sinh đạt giải nhất, nhì và ba trong Cuộc thi khoa học, kỹ thuật quốc gia chuyên ngành phù hợp với ngành y đã tốt nghiệp THPT và có chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế trong thời hạn (tính đến ngày nộp hồ sơ xét tuyển) đạt IELTS 4.5 trở lên, hoặc TOEFL iBT 50 trở lên hoặc có bài báo quốc tế được Hiệu trưởng, Hội đồng khoa học của trường xem xét kết quả đề tài, dự án đã đạt giải để xét tuyển thẳng vào ngành Y khoa, Răng hàm mặt;

- Những thí sinh đạt giải nhất, nhì và ba trong Cuộc thi khoa học, kỹ thuật quốc gia chuyên ngành phù hợp với ngành y đã tốt nghiệp THPT được Hiệu trưởng, Hội đồng khoa học của trường xem xét kết quả đề tài, dự án đã đạt giải để xét tuyển thẳng vào ngành Y học dự phòng, Y học cổ truyền, Dược học, Điều dưỡng, Kỹ thuật xét nghiệm y học;

- Số lượng tuyển thẳng tối đa 10% chỉ tiêu của mỗi chuyên ngành. Nếu số lượng thí sinh đăng ký xét tuyển thẳng vượt quá 10% chỉ tiêu của mỗi chuyên ngành, nhà trường sẽ xét tuyển theo thứ tự ưu tiên sau:

+ Với các thí sinh được miễn kỳ thi THPT quốc gia: ưu tiên 1: theo thứ tự giải, ưu tiên 2: chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế, ưu tiên 3: điểm tổng kết 3 năm THPT;

+ Với các thí sinh phải thi THPT quốc gia: với tổ hợp môn Toán học, Hóa học, Sinh học: ưu tiên 1: tổng điểm 3 môn, ưu tiên 2: môn Sinh học, ưu tiên 3: môn Hóa học, ưu tiên 4: môn Toán học; với tổ hợp môn Toán học, Hóa học, Vật lý: Ưu tiên 1: tổng điểm 3 môn, ưu tiên 2: môn Hóa học, ưu tiên 3: môn Toán học, ưu tiên 4: môn Vật lý; với tổ hợp môn Toán học, Hóa học, Tiếng Anh: Ưu tiên 1: tổng điểm 3 môn, ưu tiên 2: môn Hóa học, ưu tiên 3: môn Toán học, ưu tiên 4: môn Tiếng Anh;

d. Đối tượng ưu tiên xét tuyển (áp dụng cho các thí sinh không dùng quyền tuyển thẳng):

Thí sinh đạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia môn Toán học, Hóa học, Sinh học đã tốt nghiệp THPT được cộng điểm thưởng vào tổng điểm xét tuyển với mức điểm cộng như sau:

+ Đạt giải nhất: cộng 5,0 điểm

+ Đạt giải nhì: cộng 4,0 điểm

+ Đạt giải ba: cộng 3,0 điểm

e. Khung điểm ưu tiên theo đối tượng và khu vực:

Mức chênh lệch điểm trúng tuyển giữa hai nhóm đối tượng kế tiếp là 1,0 (một điểm), giữa hai khu vực kế tiếp là 0,25 (một phần tư điểm) tương ứng với tổng điểm 3 bài thi/môn thi (trong tổ hợp môn xét tuyển) không nhân hệ số theo thang điểm 10.

1.9. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển:

Theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

1.10. Học phí dự kiến với sinh viên chính quy; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm (nếu có):

Học phí dự kiến cho năm học 2022-2023: Thực hiện theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo; cụ thể như sau:

Đơn vị: đồng/tháng/sinh viên

Y khoa	Răng - Hàm - Mặt	Y học dự phòng	Y học cổ truyền	Dược học	Điều dưỡng	Kỹ thuật XNYH
2.450.000	2.450.000	2.200.000	2.200.000	2.450.000	1.850.000	1.850.000

1.11. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm:

- Tuyển sinh bổ sung đợt 1: Tháng 10/2022 (nếu có)

- Tuyển sinh bổ sung đợt 2: Theo thông báo của trường (nếu có)

- Tuyển sinh bổ sung đợt 3: Theo thông báo của trường (nếu có)

1.12. Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành).

1.13. Thông tin tuyển sinh các ngành đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

1.13.1. Thông tin về doanh nghiệp hợp tác đào tạo.

1.13.2. Các thông tin triển khai áp dụng cơ chế đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học. (không trái các quy định hiện hành).

1.14. Tài chính:

1.14.1. Tổng nguồn thu hợp pháp/năm của trường: 241.524.000.000 đồng.

1.14.2. Tổng chi phí đào tạo trung bình 1 sinh viên/năm của năm liền trước năm tuyển sinh: 33.000.000 đồng/sinh viên/năm.

2. Tuyển sinh đào tạo đại học, cao đẳng chính quy với đối tượng tốt nghiệp từ trung cấp trở lên

1.1. Đối tượng, điều kiện tuyển sinh:

- Thí sinh dự tuyển ngành Y khoa phải có bằng tốt nghiệp Y sĩ
- Thí sinh dự tuyển ngành Dược học phải có bằng tốt nghiệp Dược sĩ cao đẳng

1.2. Phạm vi tuyển sinh:

Trường tuyển sinh trên phạm vi cả nước

1.3. Phương thức tuyển sinh (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển):

Xét tuyển theo kết quả học tập bậc THPT.

1.4. Chỉ tiêu tuyển sinh: Chỉ tiêu theo ngành, theo từng phương thức xét tuyển và trình độ đào tạo:

TT	Trình độ đào tạo	Mã ngành xét tuyển	Tên ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Số văn bản quy định	Ngày tháng năm ban hành văn bản	Cơ quan có thẩm quyền cho phép hoặc trường tự chủ ban hành	Năm bắt đầu đào tạo
<i>(1)</i>	<i>(2)</i>	<i>(3)</i>	<i>(4)</i>	<i>(5)</i>	<i>(6)</i>	<i>(7)</i>	<i>(8)</i>	<i>(9)</i>	<i>(10)</i>	<i>(11)</i>
1	Đại học	7720101	Y khoa (từ TC lên ĐH)			120	12/2001/QĐ-BGDĐT	26/04/2001	Bộ Giáo dục và Đào tạo	1984
2	Đại học	7720201	Dược học (từ CĐ lên ĐH)			30	1242/QĐ-YDHP	30/12/2016	Trường ĐHYDHP	2020

1.5. Ngưỡng đầu vào:

Theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 9 - Chương I - Quy chế tuyển sinh đại học; tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non (Ban hành kèm theo Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06/06/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo).

1.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào các ngành của trường:

- Mã trường: **YPB**

- Mã ngành, tổ hợp xét tuyển:

TT	Hình thức đào tạo	Mã ngành	Tên ngành	Chỉ tiêu (dự kiến)	Tổ hợp xét tuyển	Ngưỡng điều kiện nộp hồ sơ
1	Liên thông chính quy (TC-ĐH)	7720101	Y khoa	120	1. Toán, Hóa, Sinh 2. Toán, Lý, Hóa	Đạt một trong các tiêu chí sau: - Học lực lớp 12 đạt loại giỏi trở lên hoặc điểm trung bình chung các môn văn hóa cấp THPT đạt từ 8,0 trở lên; - Tốt nghiệp THPT loại giỏi trở lên hoặc học lực lớp 12 đạt loại khá và có 3 năm kinh nghiệm công tác đúng với chuyên môn đào tạo;
2	Liên thông chính quy (CĐ-ĐH)	7720201	Dược học	30	1. Toán, Hóa, Sinh 2. Toán, Lý, Hóa	- Tốt nghiệp THPT loại giỏi trở lên hoặc học lực lớp 12 đạt loại khá và có 3 năm kinh nghiệm công tác đúng với chuyên môn đào tạo; - Tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng, đại học đạt loại giỏi trở lên; - Tốt nghiệp trình độ trung cấp, hoặc trình độ cao đẳng hoặc trình độ đại học đạt loại khá và có 3 năm kinh nghiệm công tác đúng với chuyên môn đào tạo

- Nguyên tắc xét tuyển:

+ Thí sinh có đủ điều kiện và đáp ứng yêu cầu của nhà trường được quyền đăng ký xét tuyển.

+ Xét tuyển lần lượt từ cao xuống thấp dựa vào điểm xét tuyển và các tiêu chí phụ theo thứ tự cho đến hết số lượng chỉ tiêu của ngành xét tuyển.

+ Điểm xét tuyển: là tổng điểm trung bình lớp 12 bậc THPT của các môn thuộc tổ hợp xét tuyển, cộng với điểm ưu tiên khu vực, điểm ưu tiên đối tượng (nếu có).

+ Điểm xét tuyển lấy đến 2 chữ số thập phân. Đối với các thí sinh bằng điểm xét tuyển cuối danh sách thì trường sẽ xét trúng tuyển dựa trên tiêu chí ưu tiên theo thứ tự như sau:

Ưu tiên 1: Tổ hợp môn Toán, Hóa Sinh; ưu tiên 2: tổng điểm 3 môn chưa làm tròn; ưu tiên 3: môn Sinh học, ưu tiên 4: môn Hóa học, ưu tiên 5: môn Toán học, ưu tiên 6: môn Vật lý.

+ Thí sinh trúng tuyển phải xác nhận nhập học trong thời hạn quy định. Quá thời hạn này, thí sinh không xác nhận nhập học được xem như từ chối nhập học.

1.7. Tổ chức tuyển sinh: Thời gian; điều kiện nhận hồ sơ dự tuyển, hình thức nhận hồ sơ dự tuyển /thi tuyển; các điều kiện xét tuyển/thi tuyển, tổ hợp môn thi/bài thi đối với từng ngành đào tạo:

Thời gian, hình thức nhận hồ sơ ĐKXT... sẽ được quy định cụ thể trong thông báo tuyển sinh liên thông chính quy, liên thông vừa làm vừa học trình độ Đại học năm 2022 của Trường.

1.8. Chính sách ưu tiên:

a. Ưu tiên theo khu vực:

Theo quy định tại khoản 1 điều 7 - Chương I - Quy chế tuyển sinh đại học; tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non (Ban hành kèm theo Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06/06/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo).

- Đối với thí sinh chưa có thâm niên công tác hoặc có thâm niên công tác dưới 24 tháng hưởng ưu tiên khu vực theo hộ khẩu thường trú (hộ khẩu thường trú trên 24 tháng trong thời gian gần nhất).

- Đối với thí sinh có thâm niên công tác trên 24 tháng hưởng ưu tiên khu vực theo nơi công tác (nơi công tác trên 24 tháng trong thời gian gần nhất)

b. Chính sách ưu tiên theo đối tượng:

Theo quy định tại khoản 2 điều 7 - Chương I - Quy chế tuyển sinh đại học; tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non (Ban hành kèm theo Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06/06/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo).

c. Khung điểm ưu tiên theo đối tượng và khu vực: Mức chênh lệch điểm trúng tuyển giữa hai nhóm đối tượng kế tiếp là 1,0 (một điểm), giữa hai khu vực kế tiếp là 0,25 (một phần tư điểm) tương ứng với tổng điểm 3 bài thi/môn thi (trong tổ hợp môn xét tuyển) không nhân hệ số theo thang điểm 10.

1.9. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển:

Theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

1.10. Học phí dự kiến với sinh viên; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm (nếu có):

Học phí dự kiến cho năm học 2022-2023: Thực hiện theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo, cụ thể:

- Y khoa và Dược học: 2.450.000 đồng/tháng/sinh viên.

1.11. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm:

- Tuyển sinh đợt 1: Tháng 07/2022

- Tuyển sinh bổ sung đợt 1: Dự kiến tháng 10/2022 (nếu có)

- Tuyển sinh bổ sung đợt 2: Theo thông báo của trường (nếu có)

1.12. Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành).

Hồ sơ đăng ký xét tuyển:

- 01 phiếu dự tuyển (theo mẫu) có xác nhận của cơ quan công tác hoặc địa phương nơi cư trú.

- 01 bản sao công chứng các giấy tờ sau (**Có bản chính để đối chiếu**):

+ Bằng tốt nghiệp THPT (hoặc tương đương);

- + Học bạ THPT;
- + Bằng tốt nghiệp Y sĩ đối với thí sinh dự tuyển ngành Y khoa;
- + Bằng tốt nghiệp Dược sĩ cao đẳng đối với thí sinh dự tuyển ngành Dược học;
- + Bằng điểm toàn khóa bậc trung cấp hoặc cao đẳng;
- + Giấy khai sinh.
- Giấy tờ để kiểm tra ngưỡng điều kiện nộp hồ sơ (nếu có):
 - + 01 bản sao công chứng hợp đồng lao động (hợp đồng làm việc) hoặc quyết định tuyển dụng;
 - + Giấy xác nhận thâm niên chuyên môn.
 - Giấy chứng nhận đối tượng ưu tiên và khu vực ưu tiên tuyển sinh (nếu có):
 - + Đối với thí sinh có thâm niên công tác trên 24 tháng: Bản sao công chứng các minh chứng quá trình công tác (quyết định tuyển dụng; hợp đồng lao động...) để xác định thâm niên công tác, xác định ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào theo quy định.
 - + Đối với thí sinh có thâm niên công tác dưới 24 tháng: Bản sao công chứng hộ khẩu thường trú.
 - 04 ảnh chân dung 3x4 chụp mới (không quá 6 tháng).
 - 02 phong bì có dán tem, ghi rõ họ tên, địa chỉ của thí sinh để nhận giấy báo nếu trúng tuyển.
 - Các giấy tờ khác cho từng đối tượng cụ thể được quy định trong thông báo tuyển sinh liên thông chính quy, liên thông vừa làm vừa học của nhà trường.

III. Tuyển sinh đào tạo vừa làm vừa học:

Đường link công khai tuyển sinh đào tạo vừa làm vừa học:

<http://hpmu.edu.vn/hpmu/news/Dai-Hoc-32/>

1.1. Đối tượng, điều kiện tuyển sinh:

- Thí sinh dự tuyển ngành Điều dưỡng phải có bằng tốt nghiệp Cao đẳng Điều dưỡng

- Thí sinh dự tuyển ngành Kỹ thuật xét nghiệm y học phải có bằng tốt nghiệp Cao đẳng Xét nghiệm y học hoặc bằng tốt nghiệp khối ngành khoa học sức khỏe có chứng chỉ chuyên đổi.

1.2. Phạm vi tuyển sinh:

Trường tuyển sinh trên phạm vi cả nước.

1.3. Phương thức tuyển sinh (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển):

Xét tuyển theo kết quả học tập bậc THPT và điểm TBC toàn khoá bậc cao đẳng.

1.4. Chỉ tiêu tuyển sinh: Chỉ tiêu theo Ngành, theo từng phương thức xét tuyển và trình độ đào tạo:

Stt	Trình độ đào tạo	Mã ngành xét tuyển	Tên ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Số văn bản đào tạo VLVH	Ngày tháng năm ban hành văn bản	Cơ quan có thẩm quyền cho phép hoặc trường tự chủ ban hành	Năm bắt đầu đào tạo
<i>(1)</i>	<i>(2)</i>	<i>(3)</i>	<i>(4)</i>	<i>(5)</i>	<i>(6)</i>	<i>(7)</i>	<i>(8)</i>	<i>(9)</i>	<i>(10)</i>	<i>(11)</i>
1	Đại học	7720301	Điều dưỡng (từ CĐ lên ĐH)			439	1243/QĐ-YDHP	30/12/2016	Trường ĐHYDHP	2018
2	Đại học	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học (từ CĐ lên ĐH)			40	1241/QĐ-YDHP	30/12/2016	Trường ĐHYDHP	2017

1.5. Ngưỡng đầu vào:

Theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 9 - Chương I - Quy chế tuyển sinh đại học; tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non (Ban hành kèm theo Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06/06/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo).

1.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào các ngành của trường:

- Mã trường: **YPB**

- Mã ngành, tổ hợp xét tuyển:

TT	Hình thức đào tạo	Mã ngành	Tên ngành	Chỉ tiêu (dự kiến)	Tổ hợp xét tuyển	Ngưỡng điều kiện nộp hồ sơ
1	Liên thông VLVH (CD-ĐH)	7720301	Điều dưỡng	439	Toán, Hóa, Sinh + Điểm TBC bậc cao đẳng	Đạt một trong các tiêu chí sau: - Học lực lớp 12 đạt loại khá hoặc điểm trung bình chung các môn văn hóa cấp THPT đạt từ 6,5 trở lên; - Tốt nghiệp THPT loại khá, hoặc có học lực lớp 12 đạt loại trung bình và có 5 năm kinh nghiệm công tác đúng với chuyên môn đào tạo;
2	Liên thông VLVH (CD-ĐH)	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học	40	Toán, Hóa, Sinh + Điểm TBC bậc cao đẳng	- Tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng, trình độ đại học đạt loại khá trở lên.

- Nguyên tắc xét tuyển:

+ Thí sinh có đủ điều kiện và đáp ứng yêu cầu của nhà trường được quyền đăng ký xét tuyển

+ Xét tuyển lần lượt từ cao xuống thấp dựa vào điểm xét tuyển và các tiêu chí phụ theo thứ tự cho đến hết số lượng chỉ tiêu của ngành xét tuyển

+ Điểm xét tuyển: là tổng điểm trung bình lớp 12 ở THPT của các môn thuộc tổ hợp xét tuyển, cộng với điểm trung bình chung bậc cao đẳng, cộng với điểm ưu tiên khu vực, điểm ưu tiên đối tượng (nếu có)

+ Điểm xét tuyển lấy đến 2 chữ số thập phân. Đối với các thí sinh bằng điểm xét tuyển cuối danh sách thì trường sẽ xét trúng tuyển dựa trên tiêu chí ưu tiên theo thứ tự như sau:

Ưu tiên 1: tổng điểm 3 môn chưa làm tròn; ưu tiên 2: môn Sinh học, ưu tiên 3: môn Hóa học, ưu tiên 4: môn Toán học.

+ Thí sinh trúng tuyển phải xác nhận nhập học trong thời hạn quy định. Quá thời hạn này, thí sinh không xác nhận nhập học được xem như từ chối nhập học.

1.7. Tổ chức tuyển sinh: Thời gian; điều kiện nhận hồ sơ dự tuyển, hình thức nhận hồ sơ dự tuyển /thi tuyển; các điều kiện xét tuyển/thi tuyển, tổ hợp môn thi/bài thi đối với từng ngành đào tạo:

Thời gian, hình thức nhận hồ sơ ĐKXT... sẽ được quy định cụ thể trong thông báo tuyển sinh liên thông chính quy, liên thông vừa làm vừa học trình độ Đại học năm 2022 của Trường.

1.8. Chính sách ưu tiên:

a. Ưu tiên theo khu vực:

Theo quy định tại khoản 1 điều 7 - Chương I - Quy chế tuyển sinh đại học; tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non (Ban hành kèm theo Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06/06/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo).

- Đối với thí sinh chưa có thâm niên công tác hoặc có thâm niên công tác dưới 24 tháng hưởng ưu tiên khu vực theo hộ khẩu thường trú (hộ khẩu thường trú trên 24 tháng trong thời gian gần nhất).

- Đối với thí sinh có thâm niên công tác trên 24 tháng hưởng ưu tiên khu vực theo nơi công tác (nơi công tác trên 24 tháng trong thời gian gần nhất)

b. Chính sách ưu tiên theo đối tượng:

Theo quy định tại khoản 2 điều 7 - Chương I - Quy chế tuyển sinh đại học; tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non (Ban hành kèm theo Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06/06/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo).

c. Khung điểm ưu tiên theo đối tượng và khu vực: Mức chênh lệch điểm trúng tuyển giữa hai nhóm đối tượng kế tiếp là 1,0 (một điểm), giữa hai khu vực kế tiếp là 0,25 (một phần tư điểm) tương ứng với tổng điểm 3 bài thi/môn thi (trong tổ hợp môn xét tuyển) không nhân hệ số theo thang điểm 10.

1.9. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển:

Theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

1.10. Học phí dự kiến với sinh viên; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm (nếu có):

Học phí dự kiến cho năm học 2022-2023: Thực hiện theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

1.11. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm:

- Tuyển sinh đợt 1: Tháng 07/2022
- Tuyển sinh bổ sung đợt 1: Dự kiến tháng 10/2022 (nếu có)
- Tuyển sinh bổ sung đợt 2: Theo thông báo của trường (nếu có)

1.12. Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành).

Hồ sơ đăng ký xét tuyển:

- 01 phiếu dự tuyển (theo mẫu) có xác nhận của cơ quan công tác hoặc địa phương nơi cư trú.

- 01 bản sao công chứng các giấy tờ sau (**Có bản chính để đối chiếu**):

+ Bằng tốt nghiệp THPT (hoặc tương đương);

+ Học bạ THPT;

+ Bằng tốt nghiệp Cao đẳng Điều dưỡng đối với thí sinh dự tuyển ngành Điều dưỡng;

+ Bằng tốt nghiệp Cao đẳng Kỹ thuật xét nghiệm Y học hoặc bằng tốt nghiệp khối ngành khoa học sức khỏe có chứng chỉ chuyển đổi đối với thí sinh dự tuyển ngành Kỹ thuật xét nghiệm Y học;

- + Bảng điểm toàn khóa bậc cao đẳng;
- + Giấy khai sinh.
- Giấy tờ để kiểm tra ngưỡng điều kiện nộp hồ sơ (nếu có):
- + 01 bản sao công chứng hợp đồng lao động (hợp đồng làm việc) hoặc quyết định tuyển dụng;
- + Giấy xác nhận thâm niên chuyên môn.
- Giấy chứng nhận đối tượng ưu tiên và khu vực ưu tiên tuyển sinh (nếu có):
- + Đối với thí sinh có thâm niên công tác trên 24 tháng: Bản sao công chứng các minh chứng quá trình công tác (quyết định tuyển dụng; hợp đồng lao động...) để xác định thâm niên công tác, xác định ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào theo quy định.
- + Đối với thí sinh có thâm niên công tác dưới 24 tháng: Bản sao công chứng hộ khẩu thường trú.
- 04 ảnh chân dung 3x4 chụp mới (không quá 6 tháng).
- 02 phong bì có dán tem, ghi rõ họ tên, địa chỉ của thí sinh để nhận giấy báo nếu trúng tuyển.
- Các giấy tờ khác cho từng đối tượng cụ thể được quy định trong thông báo tuyển sinh liên thông chính quy, liên thông vừa làm vừa học của nhà trường.

Cán bộ kê khai:

Họ tên: Nguyễn Mạnh Hùng

Số điện thoại: 0937.120.991

Email: nguyenmanhhung129@gmail.com

HIỆU TRƯỞNG

(đã ký)

PGS.TS Nguyễn Văn Khải